Phap Cu Pali-Anh-Viet - 04

Kinh Pháp Cú (Dhammapada, Anh–Việt)

Phap Cu Pali-Anh-Viet - 04

Vietnamese, with Unicode Times font

Thi kệ Pháp Cú - Dhammapada

Pali - Anh (Narada) - Việt (Tịnh Minh)

Phẩm IV

PUPPHA VAGGA - FLOWERS - PHẨM HOA HƯƠNG

Ko

Ko dhammapada.m sudesita.m

Kusalo pupphamiva pacessati. -- 44

Who will comprehend this earth (self),

and this realm of the Yama ,

and this together with the devas ?

Who will investigate the well taught Path of Virtue,

even as an expert (garland maker) will pick flowers? -- 44

44. Ai chinh phục thiên giới,

Địa cầu và Dạ-ma,

Thông giảng kinh Pháp cú,

Như người khéo hái hoa.

Sekho pa.thavi.m vicessati

Sekho dhammapada.m sudesita.m

Kusalo pupphamiva pacessati. -- 45

A disciple in training (sekha), will comprehend this earth,

and this realm of Yama

together with the realm of the devas .

A disciple in training will investigate

the well-taught Path of Virtue

even as an expert (garland-maker) will pick flowers. -- 45

45. Hữu học (*) chinh phục đất,

Thiên giới và Dạ -ma,
Thông giảng kinh Pháp cú,
Như người khéo hái hoa.
(*) Vị chứng quả Dự lưu cho đến Bất lai
Phe.nuupama.m kaayamima.m viditvaa
Mariicidhamma.m abhisambudhaano
Chetvaana maarassa papupphakaani
Adassana.m maccuraajassa gacche. -- 46
Knowing that this body is like foam,
and comprehending its mirage-nature,
one should destroy the flower-shafts of sensual passions (Maara),
and pass beyond the sight of the King of Death. -- 46
46. Hình hài như huyễn hóa,
Thân xác tợ bọt bèo,
Bẻ tên hoa dục vọng,
Tử thần hết dõi theo.
Pupphaani
The man who gathers flowers (of sensual pleasure),
whose mind is distracted,
death carries off
as a great flood sweeps away a sleeping village. -- 47
47. Người hái hoa dục lạc,
Tâm tham nhiễm say sưa,
Tử thần sẽ kéo bừa,
Như lụt cuốn làng ngủ.
Pupphaani
Atitta.m yeva kaamesu antako kurute vasa.m. -- 48
The man who gathers flowers (of sensual pleasure),
whose mind is distracted,
and who is insatiate in desires,

the Destroyer brings under his sway. -- 48

48. Người hái hoa dục lạc,

Tâm tham nhiễm say sưa,

Dục vọng, ý chưa vừa,

Đã bị tử thần kéo.

Yathaapi

As a bee without harming the flower,

its colour or scent,

flies away, collecting only the honey,

even so should the sage wander in the village. -- 49

49. Tỳ kheo vào làng xóm,

Như ong đến vườn hoa,

Lấy mật xong bay ra,

Không hại gì hương sắc.

Na

Attano-va avekkheyya kataani akataani ca. -- 50

Let not one seek others' faults,

things left done and undone by others,

but one's own deeds done and undone. -- 50

50. Đừng tò mò vạch lỗi,

Việc người làm hay chưa,

Hãy nhìn lại việc mình,

Đã làm hay vất bừa.

Yathaapi

Eva.m subhaasitaa vaacaa aphalaa hoti akubbato. -- 51

As a flower that is lovely and beautiful

but is scentless,

even so fruitless is the well-spoken word

of one who does not practise it. -- 51

51. Như bông hoa tươi đẹp,

Có sắc nhưng không hương,

Nói hay, làm không được,

Kết quả có chi lường.

Yathaapi

Eva.m subhaasitaa vaacaa saphalaa hoti pakubbato. -- 52

As a flower that is lovely, beautiful,

and scent-laden,

even so fruitful is the well-spoken word

of one who practises it. -- 52

52. Như bông hoa tươi đẹp,

Có sắc lại thêm hương,

Nói hay và làm giỏi,

Kết quả thật vô lường.

Yathaapi puppharaasimhaa kayiraa maalaagu.ne bahuu

As from a heap of flowers

many a garland is made,

even so many good deeds should be done

by one born a mortal. -- 53

53. Nhiều tràng hoa được kết,

Từ những đóa hoa tươi,

Thân sanh diệt kiếp người,

Phải làm nhiều việc thiện.

Na pupphagandho pa.tivaatameti na candana.m tagaramallikaa vaa

-- 54

The perfume of flowers blows not against the wind,

nor does the fragrance of sandalwood, tagara and jasmine

but the fragrance of the virtuous blows against the wind;

the virtuous man pervades every direction. -- 54

54. Hương các loại hoa thơm,

Không thể bay ngược gió,

Hương người đức hạnh đó,

Ngược gió bay muôn phương.

Candana.m tagara.m vaapi uppala.m atha vassikii

Sandalwood, tagara , lotus, jasmine:

above all these kinds of fragrance,

the perfume of virtue is by far the best. -- 55

55. Hương chiên đàn, già la,

Hương sen và vũ quí,

Ngần ấy loại hương vị,

Không sánh bằng giới hương!

Appamatto aya.m gandho yaaya.m tagaracandanii

Yo ca siilavata.m gandho vaati devesu uttamo. -- 56

Of little account is the fragrance of tagara or sandal;

the fragrance of the virtuous,

which blows even amongst the gods, is supreme. -- 56

56. Hương chiên đàn, già la,

Chưa phải là thơm phức,

Hương người có giới đức,

Xông ngát cả chư thiên.

Tesa.m sampannasiilaana.m appamaadavihaarina.m

Maara finds not the path of those

who are virtuous, careful in living,

and freed by right knowledge. -- 57

57. Những ai sống đức hạnh,

Cẩn trọng và trang nghiêm,

Giải thoát bằng chánh trí,

Ác ma không thể tìm.

Yathaa

As upon a heap of rubbish

thrown on the highway,

a sweet-smelling lovely lotus may grow -- 58

58. Giữa đống rác bẩn thỉu,

Vất bỏ bên đường hoang,

Hoa sen thơm ngào ngạt,

Đẹp lòng khách qua đàng.

Eva.m sa'nkaarabhuutesu andhabhuute puthujjane

Atirocati pa~n~naaya sammaasambuddhasaavako. -- 59

Even so amongst worthless beings,

a disciple of the Fully Enlightened One

outshines the blind worldlings in wisdom. -- 59

59. Cũng vậy giữa nhân gian,

Ngập tràn rác trần thế,

Đệ tử bậc chánh giác,

Soi sáng khắp quần mê.

TỪ VỰNG VÀ THÀNH NGỮ ANH-VIỆT

(a): adjective; (adv): adverb; (conj): conjunction;

(n): noun; (prep): preposition; (v): verb

Verse - Kệ 44

Conquer (v) : Chinh phục, chế ngự.

Investigate (v) : Điều tra, nghiên cứu.

Well-taught (a) : Thông giảng, khéo giảng.

Virtue (n) : Đức hạnh, đạo đức.

Expert (n) : Chuyên gia, chuyên viên.

Garland (n) : Vòng hoa, tràng hoa.

Pluck (v) : Nhổ, bứt, hái.

Verse - Kệ 45

Saint (n) : Vị thánh.

Sekha saint : Bậc hữu học.

Verse - Kệ 46

Foam (n) : Bọt nước, bọt bèo.

Comprehend (v) : Hiểu, lĩnh hội, nhận thức.

Mirage (n) : Ảo vọng, huyển hóa, ảo hóa.

Nature (n) : Tự nhiên, bản tính.

Shaft (n) : Mũi tên.

Sensual passions : Dục vọng.

King of death : Tử thần.

Beyond : Ở phía bên kia.

Verse - Kệ 47

Gather (v) : Hái, thu thập.

Sensual pleasure : Dục lạc.

To be distracted with : Mê mẩn, điên cuồng.

Verse - Kệ 48

Insatiate (a) : Không bao giờ thỏa mãn.

Desire (n) : Khao khát, dục vọng.

Destroyer (n) : Người hủy diệt, tử thần.

Verse - Kệ 49

Bee (n) : Con ong.

Scent (n) : Hương thơm.

Collect (v) : Thu lượm, thu thập.

Honey (n) : Mật ong.

Sage (n,a) : Nhà hiền triết, khôn ngoan.

Wander (v) : Đi lang thang, vân du.

Verse - Kệ 50

Regard (v) : Xem xét.

Fault (n) : Lỗi lầm, khuyết điểm.

Undone (a) : Chưa làm, chưa xong.

Verse - Kệ 51

Scentless (a) : Không hương thơm.

Fruitless (a) : Không có kết quả.

Well-sponken word : Lời nói hay.

Verse - Kệ 52

Scent-laden (a) : Đầy hương thơm.

Fruitful (a) : Có kết quả.

Verse - Kệ 53

Heap (n) : Đống (cát gạch)

Mortal (a) : Chết, hoại vong.

Verse - Kệ 54

Perfume (n) : Hương thơm, nước hoa.

Blow (v) : Bay đi, thổi.

Against (prep.) : Ngược lại, chống lại.

Sandalwood (n) : Gỗ đàn hương, gỗ chiên đàn.

Tagara : Hoa già la.

Jasmine (n) : Hoa nhài, hoa vũ quí.

Pervade (v) : Tỏa khắp, tràn khắp.

Direction (n) : Phương hướng, chiều hướng.

Verse - Kệ 55

Lotus (n) : Hoa sen

The perfume of Virtue : Giới hương, hương đức hạnh.

Verse - Kệ 56

Account (n) : Giá trị, tầm quan trọng.

Verse - Kệ 57

Knowledge (n) : Kiến thức, tri kiến, trí tuệ.

Right knowledge : Chánh trí.

Free (v) : Giải thoát.

Verse - Kệ 58

Rubbish (n) : Rác rưởi.

Sweet-smelling : Thơm ngát.

Charming (a) : Đẹp, quyến rủ.

Grow (v) : Mọc, lớn lên, phát triển.

Verse - Kệ 59

Being (n) : Chúng sanh, con người.

Disciple (n) : Đệ tử, môn đệ.

The fully Enlightened : Bậc Chánh giác, bậc Giác ngộ.

Outshine (v) : Chiếu sáng, soi sáng.

Blind (a) : Đui, mù quáng.

Worldling (n) : Phàm phu, người trần tục.

-ooOoo-

Đầu trang | Mục lục | 01 | 02
| 03 | 04 | 05 | 06
| 07 | 08 | 09
| 10 |
11 | 12 | 13
| 14 | 15 | 16
| 17 | | 18 | 19
| 20 | 21 | 22
| 23 | 24 | 25
| 26

Chân thành cám ơn Đại đức Giác Đồng đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, tháng 07-2001).

[Trở về trang Thư Mục]

updated: 01-08-2001

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.